

Số: **35** /2023/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **19** tháng **7** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi theo danh mục lĩnh vực, địa bàn đối với các dự án xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008; số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ; số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi

trường; số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 21/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 quy định một số chính sách ưu đãi theo danh mục lĩnh vực, địa bàn đối với các dự án xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Hà Nam; số 34/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về một số chính sách ưu đãi theo danh mục lĩnh vực, địa bàn đối với các dự án xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định của Chính phủ;
b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chính sách ưu đãi dự án xã hội hóa trên địa bàn tỉnh thuộc các lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này.”

2. Sửa đổi Điều 2 như sau:

“Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách

a) Thuộc danh mục loại hình, đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn ban hành kèm theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008, số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013, số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016 về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa và các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn... đối với từng lĩnh vực theo quy định hiện hành (nếu có).

b) Dự án phải thực hiện các nội dung về trách nhiệm của cơ sở xã hội hóa theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; nội dung hồ sơ dự án đăng ký được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận (nếu có).

c) Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa, thực hiện chính sách khuyến khích, ưu đãi theo quy định hiện hành của Chính phủ.”

3. Bổ sung Điều 2b và Điều 2c vào sau Điều 2 như sau:

“Điều 2b. Nguyên tắc áp dụng

- Đối với dự án đầu tư đáp ứng đủ điều kiện hưởng các chính sách ưu đãi khác nhau và có các mức ưu đãi khác nhau trong cùng một chính sách theo quy

định hiện hành thì được hưởng các ưu đãi không cùng chính sách và được lựa chọn mức ưu đãi cao nhất quy định trong cùng một chính sách;

- Đối với dự án đa mục tiêu (nhiều lĩnh vực, mục tiêu trong cùng dự án): Được hưởng chính sách ưu đãi theo từng lĩnh vực đáp ứng đủ điều kiện và được lựa chọn mức ưu đãi cao nhất quy định trong cùng một chính sách; đồng thời chỉ được hưởng chính sách về đất đai đối với phần diện tích đất sử dụng đúng mục đích, mục tiêu;

- Các nội dung khác ngoài nội dung quy định tại Quy định này được áp dụng theo quy định hiện hành. Trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản có nội dung quy định không thống nhất với quy định tại Quy định này mà Quy định này chưa được điều chỉnh hoặc sửa đổi hoặc bãi bỏ thì áp dụng theo quy định tại văn bản cơ quan nhà nước cấp trên;

- Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 2c. Thủ tục đề nghị được hưởng chính sách ưu đãi

a) Cơ sở thực hiện xã hội hóa tự xác định các chính sách ưu đãi dự án đầu tư đủ điều kiện được hưởng và thực hiện đảm bảo đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật;

b) Thủ tục hành chính về ưu đãi đầu tư được áp dụng và thống nhất trong cùng một lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.”

4. Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 3 như sau:

“d) Lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề:

- Miễn tiền thuê đất 11 năm đối với dự án tại các phường thuộc thành phố, thị xã;

- Miễn tiền thuê đất 15 năm đối với các dự án tại các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc huyện;

- Miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê đất đối với dự án thực hiện tại các địa bàn còn lại.”

5. Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 5 như sau:

“c) Nghiên cứu, phối hợp cho ý kiến xây dựng các tiêu chí, yêu cầu, điều kiện đối với nhà đầu tư và các nội dung khác có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, triển khai thực hiện dự án đầu tư xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý, phụ trách.”

6. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ, thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ và theo các quy định pháp luật hiện hành.

2. Thực hiện đầu tư, hoàn thành, đưa dự án đi vào hoạt động theo đúng thông tin/nội dung dự án được chấp thuận/phê duyệt (mục tiêu, quy mô, tiến

độ...), đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quy định và các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn... đối với từng lĩnh vực theo quy định hiện hành (nếu có).

3. Chấp hành sự kiểm tra, giám sát, thanh tra, xử phạt (nếu có) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trong quá trình triển khai đầu tư, hoạt động. Định kỳ (hàng quý, hàng năm) báo cáo về tình hình đầu tư, hoạt động kinh doanh gửi các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh, các cơ quan quản lý chuyên ngành đối với từng lĩnh vực xã hội hóa và các cơ quan quản lý khác có liên quan (nếu có) theo quy định.”

7. Bãi bỏ nội dung quy định tại Phụ lục Chính sách ưu đãi đối với các dự án xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 09 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp các cơ sở thực hiện xã hội hóa/ dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa đang được hưởng chính sách khuyến khích, ưu đãi thấp hơn chính sách nêu tại Quy định này thì thực hiện điều chỉnh để hưởng theo các chính sách tại Quy định này cho thời gian còn lại.

Trường hợp các cơ sở thực hiện xã hội hóa/ dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa đang được hưởng chính sách khuyến khích, ưu đãi cao hơn chính sách nêu tại Quy định này thì tiếp tục được hưởng chính sách khuyến khích, ưu đãi hiện đang được hưởng cho thời gian còn lại.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **28** tháng 7 năm 2023. Các chính sách ưu đãi thực hiện kể từ ngày Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam có hiệu lực thi hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ~~##~~

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: TC, KH và ĐT, TN và MT, GD và ĐT, LĐ-TB và XH, VH-TT và DL;
- Cục KTVBQPPL-BTP; Vụ pháp chế-Bộ KHĐT; Vụ pháp chế-Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND TTQ tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, các CV;
- Báo Hà Nam, Đài PTTH tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, GTXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Chúc